

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ
hạng III lên hạng II đối với viên chức giáo viên mầm non, phổ thông
các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập năm 2026**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Viên chức 58/2010/QH12, ngày 15/11/2010 của Quốc hội; Luật số 52/2019/QH14 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức; Luật Nhà giáo năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 248/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Nghị định số 93/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo;

Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/03/2025 của Bộ Nội vụ ban hành nội quy và quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư 15/2025/TT-BGDĐT ngày 24/7/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 30/10/2024 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo: số 01, 02, 03, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề

nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT công lập; số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 107/TTr-SGD&ĐT ngày 21/5/2026 về việc ban hành đề án và phân cấp, ủy quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II đối với viên chức giáo viên mầm non, phổ thông các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập, năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II đối với viên chức giáo viên mầm non, phổ thông, các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập năm 2026.

Điều 2: Giao Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các xã, phường xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giáo viên thuộc thẩm quyền quản lý đúng quy định của pháp luật.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Khắc Hiếu

ĐỀ ÁN

**Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II
đối với viên chức giáo viên mầm non, phổ thông các đơn vị
sự nghiệp giáo dục công lập năm 2026**

(Kèm theo Quyết định số: 1705/QĐ-UBND ngày 28/5/2026 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ CHÍNH TRỊ, CĂN CỨ PHÁP LÝ

*

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Sự cần thiết ban hành Đề án

Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị xác định phát triển đội ngũ nhà giáo là khâu then chốt, yêu cầu hoàn thiện cơ chế quản lý, sử dụng và phát triển đội ngũ theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa. Trong bối cảnh đó, việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (CDNN) giáo viên không chỉ là yêu cầu quản lý viên chức mà còn là công cụ để đánh giá, sàng lọc, phát triển đội ngũ, tạo động lực nâng cao chất lượng giáo dục. Bên cạnh đó, hệ thống pháp luật về viên chức, nhà giáo và CDNN đã tương đối đầy đủ, song cần được cụ thể hóa bằng đề án phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương để tổ chức thực hiện thống nhất, hiệu quả.

Trong thời gian qua, các cấp chính quyền đã chỉ đạo sát sao, ban hành nhiều văn bản hướng dẫn nhằm đảm bảo chế độ chính sách được thực hiện công bằng, minh bạch. Lãnh đạo ngành Giáo dục cũng chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan để xây dựng kế hoạch xét thăng hạng khoa học, phù hợp với thực tiễn, tạo điều kiện cho nhà giáo có cơ hội phát triển nghề nghiệp, nâng cao thu nhập và khẳng định vai trò, vị thế trong xã hội.

Thực tiễn tại tỉnh Phú Thọ, Hòa Bình (trước hợp nhất), giai đoạn 2016-2025 chưa thực hiện được hoặc đã thực hiện việc xét thăng hạng CDNN giáo viên nhưng số lượng còn rất hạn chế, đặc biệt là cấp trung học phổ thông (THPT), dẫn đến tồn đọng số lượng lớn giáo viên đủ tiêu chuẩn, điều kiện nhưng chưa được xét thăng hạng CDNN; cơ cấu hạng CDNN giữa các cấp học và giữa các khu vực trước hợp nhất còn thiếu đồng đều, chưa bảo đảm tính cân đối và thống nhất, đặc biệt ở cấp THPT khu vực Phú Thọ, ảnh hưởng đến quyền lợi và phát triển của đội ngũ. Sau khi hợp nhất tỉnh, quy mô đội ngũ tăng, yêu cầu đổi mới giáo dục, chuyển đổi số và thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông

2018 đặt ra yêu cầu cấp thiết phải chuẩn hóa, phân tầng, phát triển đội ngũ theo năng lực thực chất.

Chính vì vậy, việc xây dựng Đề án xét thăng hạng CDNN viên chức giáo viên không chỉ nhằm bảo đảm quyền lợi chính đáng của nhà giáo, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục; đồng thời động viên, khích lệ sự tâm huyết, trách nhiệm của đội ngũ, tạo chuyển biến thực chất trong phát triển đội ngũ, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh.

Thực trạng trên cho thấy việc cơ cấu lại hạng CDNN giáo viên, đặc biệt đối với cấp THPT, là yêu cầu cấp thiết nhằm bảo đảm công bằng, quyền lợi cho đội ngũ; chuẩn hóa, nâng cao chất lượng giáo viên; tạo sự thống nhất, đồng bộ trong quản lý sau hợp nhất; đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.

2. Cơ sở chính trị

- Nghị quyết 29 – NQ/TW ngày 14/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương “về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;

- Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

3. Cơ sở pháp lý

3.1. Quy định về quản lý viên chức và thẩm quyền tổ chức thực hiện

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

- Luật Viên chức 58/2010/QH12, ngày 15/11/2010 của Quốc hội; Luật số 52/2019/QH14 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức;

- Các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Thông tư 15/2025/TT-BGDĐT ngày 24/7/2025 của Bộ GD&ĐT hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

3.2. Quy định chuyên ngành về nhà giáo

- Luật Nhà giáo năm 2025;

- Nghị quyết số 248/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

- Nghị định số 93/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo.

3.3. Quy định về tiêu chuẩn, điều kiện thăng hạng giáo viên

- Các Thông tư của Bộ GD&ĐT: số 01, 02, 03, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT công lập; số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập;

- Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng CDNN giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học.

3.4. Quy định về quy trình, thủ tục, chỉ tiêu xét thăng hạng

- Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/03/2025 của Bộ Nội vụ ban hành nội quy và quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

- Quyết định 1280/QĐ-BGDĐT ngày 12/5/2025 về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực chế độ, chính sách đối với nhà giáo thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ giáo dục và Đào tạo;

3.5. Các văn bản chỉ đạo của tỉnh Phú Thọ

- Quyết định số 98/2025/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Phú Thọ;

- Văn bản số 10321/UBND- KGVX ngày 30/11/2025 về việc rà soát thăng hạng CDNN giáo viên; Văn bản số 11625/UBND- KGVX10 ngày 17/12/2025 về việc tiếp tục rà soát thực hiện việc bổ nhiệm, thăng hạng CDNN.

Phần thứ hai

THỰC TRẠNG CƠ CẤU CDNN CBQL, GIÁO VIÊN TỈNH PHÚ THỌ

*

I. KHÁI QUÁT VỀ QUY MÔ TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH VÀ ĐỘI NGŨ CBQL, GV TOÀN NGÀNH

1. Quy mô trường, lớp, học sinh

Sau hợp nhất, ngành Giáo dục tỉnh Phú Thọ có 1.978 cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp với trên 1 triệu học sinh, sinh viên, quy mô đứng nhóm cao của cả nước, bao gồm đầy đủ các cấp học, trình độ và loại hình. Trong đó:

- Giáo dục mầm non toàn tỉnh hiện có 708 trường (651 công lập, 57 tư thục) và 412 nhóm/lớp độc lập tư thục. Có 9.460 nhóm, lớp: 2.180 nhóm trẻ và 7.280 lớp mẫu giáo (1.274 tư thục).

- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở (THCS), trung học phổ thông (THPT): (i) Tiểu học có 665 cơ sở có cấp tiểu học, với 6 mô hình tổ chức trường (658 công lập, 7 tư thục); (ii) THCS có 609 trường THCS và trường phổ thông có cấp cao nhất là THCS (610 công lập, 02 tư thục); (iii) THPT có 137 trường THPT và trường phổ thông có cấp cao nhất là THPT (118 công lập, 19 tư thục).

- Giáo dục thường xuyên hiện có 33 Trung tâm (03 TT GD TX, 29 TT GDNN-GD TX, 01 Trung tâm KTTH-HN tỉnh Phú Thọ).

- Giáo dục nghề nghiệp (GDNN) có 49 cơ sở GDNN (23 công lập, trong đó 13 cơ sở thuộc tỉnh với 08 cao đẳng, 02 trung cấp, 03 trung tâm GDNN; 10 cơ sở thuộc Bộ, ngành; 26 cơ sở tư thục (02 cao đẳng, 09 trung cấp và 15 trung tâm GDNN).

2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên

Quy mô và số lượng đội ngũ toàn tỉnh Phú Thọ sau hợp nhất có 58.680 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; cơ bản bảo đảm chất lượng, đồng bộ về cơ cấu, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục và đào tạo; trong đó, cấp học mầm non hiện có 17.365 người, cấp tiểu học hiện có 18.609 người, cấp THCS hiện có 16.247 người, cấp THPT hiện có 5.846 người và giáo dục thường xuyên hiện có 613 người.

II. THỰC TRẠNG VỀ THỰC HIỆN XÉT THĂNG HẠNG CDNN ĐỐI VỚI CBQL, GV CÁC CẤP HỌC

1. Công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện

- Trước hợp nhất, tỉnh Vĩnh Phúc và tỉnh Hòa Bình đã tổ chức các kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên:

Tỉnh Vĩnh Phúc (trước hợp nhất) đã tổ chức 02 kỳ thăng hạng CDNN (Năm 2018 và Năm 2020). Hiện tại, khu vực Vĩnh Phúc (trước hợp nhất) có tỷ lệ giáo viên mầm non, phổ thông hạng I chiếm 3,74%; hạng II chiếm 71,44%.

Tỉnh Hòa Bình (trước hợp nhất) đã tổ chức 02 kỳ thăng hạng CDNN: (Năm 2019 và Năm 2020). Hiện tại, khu vực Hòa Bình (trước hợp nhất) có tỷ lệ giáo viên mầm non, phổ thông hạng I chiếm 0,2%; hạng II chiếm 39,67%.

Tỉnh Phú Thọ (trước hợp nhất) chưa tổ chức thăng hạng CDNN giáo viên mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên. Khu vực Phú Thọ (trước hợp nhất) có tỷ lệ giáo viên mầm non, phổ thông hạng I chiếm 0,08%; hạng II chiếm 28,84%.

Sau hợp nhất, tỉnh Phú Thọ đã ban hành chủ trương và chỉ đạo việc xét thăng hạng CDNN đối với giáo viên, thể hiện sự quan tâm của lãnh đạo địa phương đối với đội ngũ nhà giáo. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, việc tổ chức xét thăng hạng vẫn chưa được triển khai. Do vậy, việc sớm tổ chức xét thăng hạng CDNN không chỉ là thực hiện đúng quy định của Nhà nước, mà còn là động lực để giáo viên phấn đấu, nâng cao chất lượng giảng dạy, đồng thời góp phần xây dựng đội ngũ nhà giáo vững mạnh, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

2. Cơ cấu chức danh nghề nghiệp

Sau khi hợp nhất, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các cấp học (không bao gồm giáo dục nghề nghiệp) của tỉnh có tổng số 58.680 người. Cơ cấu hạng CDNN cơ bản đã hình thành theo quy định, với tỷ lệ: hạng I chiếm 1,25%; hạng II chiếm 45,39%; hạng III chiếm 53,36%. Tuy nhiên, việc phân bố cơ cấu hạng CDNN giữa các cấp học và giữa các địa bàn trước hợp nhất không đồng đều, chưa bảo đảm tính cân đối và thống nhất, đặc biệt rõ nét ở cấp THPT và giáo dục thường xuyên. Tỷ lệ hạng I ở tất cả các cấp học còn rất thấp; cụ thể là:

2.1. Cấp mầm non: Tỷ lệ giáo viên mầm non hạng I chỉ đạt 0,1%, giáo viên mầm non hạng II đạt 45,04%, giáo viên mầm non hạng III chiếm 54,86%. Cơ cấu tương đối hợp lý; việc thăng hạng được triển khai khá đồng bộ. Tuy nhiên, tỷ lệ hạng I rất thấp; chưa hình thành đội ngũ dẫn dắt.

2.2. Cấp tiểu học: Tỷ lệ giáo viên tiểu học hạng I chỉ đạt 0,13%, giáo viên tiểu học hạng II đạt 42,22%, giáo viên tiểu học hạng III chiếm 57,65%. Cơ cấu tương đối ổn định, phù hợp yêu cầu phát triển đội ngũ. Tuy nhiên, chưa đồng đều giữa các địa phương; còn chênh lệch nội bộ.

2.3. Cấp trung học cơ sở: Tỷ lệ giáo viên THCS hạng I đạt 4,15%, giáo viên THCS hạng II cao nhất trong các cấp học (57,88%), giáo viên THCS hạng III chiếm 37,97%; Cơ cấu hợp lý, phản ánh tốt năng lực đội ngũ. Tuy nhiên, tỷ lệ hạng I còn thấp; chưa tạo được đội ngũ chuyên sâu.

2.4. Cấp trung học phổ thông: Tỷ lệ giáo viên THPT hạng I chỉ đạt 0,19%, giáo viên THPT hạng II chỉ đạt khoảng 24%, hạng III chiếm trên 75%, đây là cấp

học có cơ cấu hạng CDNN mất cân đối nhất. Tồn đọng lớn số lượng giáo viên đủ tiêu chuẩn, điều kiện chưa được xét thăng hạng CDNN, ảnh hưởng đến chất lượng và động lực đổi mới giáo dục, đào tạo của tỉnh.

2.5. *Giáo dục thường xuyên (cấp THPT)*: Tỷ lệ giáo viên THPT hạng I chỉ đạt 0,49%, hạng II khoảng 19,2%, hạng III chiếm trên 80%; Tuy nhiên, cơ cấu GV THPT hạng II còn thấp hơn cả khối THPT do chưa được quan tâm đúng mức trong việc thăng hạng CDNN; cơ cấu bất hợp lý.

3. Đánh giá chung

3.1. Ưu điểm

- Công tác xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của các cấp ủy Đảng, chính quyền, đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các sở, ngành liên quan nhằm đảm bảo quá trình triển khai được thực hiện nghiêm túc, minh bạch và đúng quy định.

- Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh đã thể hiện sự quan tâm sâu sắc đến chế độ, chính sách đối với đội ngũ nhà giáo thông qua việc tích cực tham mưu triển khai công tác xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, nhằm bảo đảm quyền lợi chính đáng và tạo động lực phát triển nghề nghiệp cho giáo viên.

- Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên đã có nhiều nỗ lực trong việc học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, luôn thể hiện tinh thần tâm huyết, trách nhiệm trong công tác giảng dạy; đồng thời tích cực hưởng ứng và tham gia các phong trào thi đua, đạt được nhiều thành tích cao, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của tỉnh.

- Cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp bước đầu được hình thành theo quy định; Một số cấp học, giáo viên đã được bổ nhiệm CDNN tương đối đồng bộ, góp phần chuẩn hóa đội ngũ.

3.2. Hạn chế, bất cập

- Hệ thống văn bản quy định về xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên hiện nay chưa đồng bộ, thiếu tính thống nhất, gây ra những khó khăn nhất định cho các địa phương và cơ sở giáo dục trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Trước hợp nhất, việc phân cấp tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên chưa có sự thống nhất giữa ba khu vực: có tỉnh do UBND tỉnh trực tiếp tổ chức, có tỉnh phân cấp cho Sở Nội vụ, trong khi có tỉnh lại phân cấp cho Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện. Sự khác biệt này đã dẫn đến những bất cập trong quá trình triển khai, gây khó khăn cho việc đảm bảo tính đồng bộ trong công tác xét thăng hạng.

- Cơ cấu hạng CDNN giữa các cấp học và giữa các địa phương chưa đồng đều, thiếu cân đối; giáo viên cấp THPT và GDTX giữ chức danh nghề nghiệp hạng II thấp (đặc biệt là khu vực Phú Thọ trước hợp nhất); tồn đọng lớn số lượng giáo

viên hạng III đủ điều kiện nhưng chưa được xét thăng hạng CDNN; chưa gắn công tác thăng hạng CDNN với đánh giá năng lực, chất lượng đội ngũ thực chất.

3.3. Nguyên nhân chủ yếu

- Việc phân cấp tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên giữa các địa phương trước hợp nhất thiếu sự thống nhất; chưa gắn công tác thăng hạng với yêu cầu đổi mới giáo dục.

- Hệ thống văn bản hướng dẫn của cấp trên ban hành chậm hoặc chưa cụ thể, thiếu tính thống nhất khiến địa phương còn lúng túng trong việc thực hiện

- Sự phối hợp giữa các sở, ngành trong công tác tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên có thời điểm chưa chặt chẽ, thiếu sự thống nhất, dẫn đến tiến độ triển khai chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn và gây khó khăn cho việc bảo đảm quyền lợi chính đáng của đội ngũ nhà giáo.

- Sau hợp nhất, bộ máy quản lý giáo dục có sự thay đổi, cần có thời gian để phân công trách nhiệm rõ ràng, khối lượng công việc nhiều nên việc triển khai xét thăng hạng chưa được ưu tiên đúng mức.

Phần thứ ba

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN THĂNG HẠNG CDNN

I. QUAN ĐIỂM

1. Việc xét thăng hạng CDNN giáo viên từ hạng III lên hạng II phải bảo đảm đúng thẩm quyền, đúng trình tự, phù hợp yêu cầu phát triển đội ngũ nhà giáo trong giai đoạn mới; gắn với danh mục vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo CDNN và chỉ tiêu xét thăng hạng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt của các cơ sở giáo dục công lập góp phần chuẩn hóa đội ngũ, nâng cao hiệu quả phân công, bố trí và sử dụng viên chức.

2. Việc xét thăng hạng CDNN từ hạng III lên hạng II phải dựa trên tiêu chuẩn từng CDNN theo quy định, lựa chọn được đội ngũ giáo viên có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng; đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phù hợp bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số.

3. Việc tổ chức xét thăng hạng phải gắn với việc giải quyết chế độ, chính sách đối với đội ngũ giáo viên; đồng thời từng bước khắc phục tình trạng mất cân đối về cơ cấu hạng CDNN các cấp, bảo đảm phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và quy định pháp luật về quản lý viên chức;

4. Thông qua xét thăng hạng, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, khuyến khích đội ngũ giáo viên chủ động học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ

chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực đổi mới sáng tạo, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

II. YÊU CẦU

1. Việc tổ chức xét thăng hạng CDNN giáo viên phải thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, Nghị định số 85/2023/NĐ-CP của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 93/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo và các văn bản có liên quan;

2. Phải căn cứ vào nhu cầu vị trí việc làm, cơ cấu CDNN của từng đơn vị sự nghiệp công lập đã được phê duyệt; bảo đảm phù hợp giữa số lượng, cơ cấu và tiêu chuẩn CDNN;

3. Giáo viên được xét thăng hạng phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành; phải gắn với năng lực thực chất, kết quả thực hiện nhiệm vụ và yêu cầu vị trí việc làm;

4. Việc xét thăng hạng được thực hiện trên cơ sở nhu cầu của đơn vị sự nghiệp công lập và nguyện vọng của viên chức;

5. Kỳ xét thăng hạng phải được tổ chức bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch, khách quan, đúng quy trình, đúng thẩm quyền; bảo đảm không xảy ra tiêu cực, góp phần nâng cao niềm tin của đội ngũ giáo viên và xã hội.

III. NGUYÊN TẮC XÉT THĂNG HẠNG CDNN VÀ XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU XÉT THĂNG HẠNG CDNN

1. Nguyên tắc

- Nguồn viên chức đủ điều kiện khá lớn, trong khi chỉ tiêu thăng hạng có giới hạn theo cơ cấu vị trí việc làm, đòi hỏi phải tổ chức xét chọn chặt chẽ, có tiêu chí cụ thể rõ ràng, minh bạch, khách quan, có phân loại phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh;

- Việc xác định chỉ tiêu và lựa chọn viên chức trúng tuyển phải gắn với tỷ lệ cơ cấu chức danh nghề nghiệp và nhu cầu vị trí việc làm thực tế của từng đơn vị; cơ cấu CDNN đã được phê duyệt đồng thời đảm bảo cơ cấu tỷ lệ giữa các cấp học; mức độ đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, năng lực và thành tích thực tế của viên chức; không dàn trải, bảo đảm chất lượng thực chất;

- Bảo đảm đúng quy định, đúng chỉ tiêu được phê duyệt, đúng cơ cấu, đúng người. Xác định rõ việc xét thăng hạng CDNN không chỉ đảm bảo quyền lợi và lợi ích chính đáng của đội ngũ nhà giáo, mà còn ghi nhận quá trình phấn đấu, nỗ lực của mỗi cá nhân, tạo động lực để đội ngũ tiếp tục cống hiến, nâng cao chất lượng giảng dạy và phát triển nghề nghiệp;

- Xét thăng hạng CDNN cho từng cơ sở giáo dục, đảm bảo tổng số viên chức giáo viên giữ CDNN hạng I và hạng II đối với từng cơ sở giáo dục sau khi thăng hạng CDNN từ hạng III lên hạng II tối đa không quá 50% (không tính cán bộ quản

lý); chỉ xem xét tổ chức xét thăng hạng CDNN từ hạng III lên hạng II đối với các đơn vị có tổng tỷ lệ viên chức giáo viên giữ CDNN hạng I và hạng II dưới 50%.

2. Chỉ tiêu xét thăng hạng CDNN

Theo quy định tại công văn số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 của Bộ Nội vụ về việc xác định cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu hạng CDNN viên chức, xác định cơ cấu hạng CDNN viên chức giáo viên cấp MN, TH, THCS (không bao gồm viên chức quản lý¹) như sau:

(1) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (đơn vị tự chủ nhóm 1) và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị tự chủ nhóm 2)

- Chức danh nghề nghiệp hạng I và tương đương: Tối đa không quá 20%;
- Chức danh nghề nghiệp hạng II và tương đương: Tối đa không quá 50%;
- Chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương trở xuống (nếu có): Tối đa 30%.

(2) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị tự chủ nhóm 3) và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị tự chủ nhóm 4)

- Chức danh nghề nghiệp hạng I và tương đương: Tối đa không quá 10%;
- Chức danh nghề nghiệp hạng II và tương đương: Tối đa không quá 50%;
- Chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương trở xuống (nếu có): Tối đa 40%.

3. Phân bổ chỉ tiêu xét thăng hạng CDNN từ hạng III lên hạng II

- Đối với viên chức quản lý: xét thăng hạng CDNN từ hạng III lên hạng II đối với 100% viên chức quản lý có đủ điều kiện, tiêu chuẩn.

- Đối với viên chức không giữ chức vụ quản lý: xét thăng hạng CDNN cho từng cơ sở giáo dục, đảm bảo tổng số viên chức giáo viên giữ CDNN hạng I và hạng II đối với từng cơ sở giáo dục sau khi thăng hạng CDNN từ hạng III lên hạng II tối đa không quá 50%; chỉ xem xét tổ chức xét thăng hạng CDNN từ hạng III lên hạng II đối với các đơn vị có tổng tỷ lệ viên chức giáo viên giữ CDNN hạng I và hạng II dưới 50%.

4. Dự kiến nguồn lực thực hiện

Kinh phí dự kiến trả lương viên chức giáo viên các cấp sau khi xét thăng hạng CDNN: 42 tỷ/năm.

IV. ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN XÉT THĂNG HẠNG CDNN GIÁO VIÊN MẦM NON, PHỔ THÔNG CÔNG LẬP

1. Đối tượng

¹ Mục 1, phần III, văn bản số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 của Bộ Nội vụ.

Theo quy định tại Điều 2, Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng CDNN giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học.

2. Điều kiện, tiêu chuẩn dự xét thăng hạng

2.1. Tiêu chuẩn, điều kiện chung

Quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16, Điều 1, Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ.

2.2. Tiêu chuẩn điều kiện cụ thể

2.2.1. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25)

Quy định tại Điều 3, Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học.

2.2.2. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28)

Quy định tại Điều 5, Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học.

2.2.3. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên THCS hạng II (mã số V.07.04.31)

Quy định tại Điều 7, Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học.

2.2.4. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên THPT hạng II (mã số V.07.05.14)

Quy định tại Điều 9, Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học.

V. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ XÉT THĂNG HẠNG CDNN

1. Thành phần hồ sơ

- Văn bản cử giáo viên dự xét thăng hạng của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức (tờ trình);
- Đơn đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (theo mẫu);

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự xét thăng hạng CDNN, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức.

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng CDNN của viên chức theo quy định: Nhận xét, đánh giá cụ thể từng tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức theo quy định tại Điều 32, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 được sửa đổi bổ sung tại khoản 16, Điều 1, Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; các Tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Thông tư số 01, 02, 03, 04/2021/TT-BGDĐT và Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT đối với giáo viên hạng II.

- Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức trong 03 năm liền kề trước năm dự xét thăng hạng CDNN.

- Bản sao (có chứng thực) các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự xét thăng hạng.

- Bản sao (có chứng thực) các quyết định:

Quyết định tuyển dụng vào viên chức; Quyết định công nhận hết thời gian tập sự bổ nhiệm ngạch/chức danh nghề nghiệp;

Quyết định bổ nhiệm ngạch, CDNN lần đầu và các lần có thay đổi về ngạch và CDNN; Quyết định chuyển công tác (nếu có);

Quyết định bổ nhiệm CDNN hạng liền kề hạng dự xét;

Quyết định tiếp nhận, điều động, bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý (đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý).

Quyết định thể hiện mức lương hiện hưởng (quyết định lương gần nhất).

- Bản sao (có chứng thực) chứng nhận, quyết định, bằng khen, giấy khen, đề tài, đề án hoặc sản phẩm được ứng dụng trong giáo dục, giảng dạy học sinh và tài liệu có liên quan để minh chứng các tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn nghiệp vụ.

- Biên bản cuộc họp với sự tham gia của cấp trưởng, cấp phó, tổ chuyên môn, đại diện các tổ chức đoàn thể trong nhà trường ghi ý kiến nhận xét, đánh giá từng tiêu chí có xác nhận của Hiệu trưởng.

- Xác nhận của Bảo hiểm xã hội về thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với các trường hợp giáo viên trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.

- Văn bản, tài liệu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng (nếu có).

2. Yêu cầu đối với hồ sơ

- Hồ sơ phải được lập đầy đủ, đúng thành phần, thống nhất về thông tin, có xác nhận của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền;
- Các bản sao phải được chứng thực hợp lệ theo quy định;
- Minh chứng phải rõ ràng, có căn cứ, phản ánh đúng năng lực, kết quả công tác của viên chức;
- Không tiếp nhận hồ sơ thiếu thành phần, không hợp lệ hoặc không bảo đảm điều kiện theo quy định.

3. Trách nhiệm quản lý hồ sơ

- Đơn vị cử viên chức dự xét thăng hạng có trách nhiệm kiểm tra, rà soát, xác nhận và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ.
- Hội đồng xét thăng hạng và cơ quan, đơn vị được giao thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng CDNN có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý, lưu trữ hồ sơ theo quy định; việc quản lý hồ sơ phải bảo đảm công khai, minh bạch, thuận tiện cho kiểm tra, thanh tra, giám sát.

4. Cử viên chức tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp²

Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức xem xét, quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, gửi cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền quy định.

Cơ quan, đơn vị cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử tham dự xét thăng hạng và lưu giữ, quản lý hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng của viên chức theo quy định của pháp luật.

VI. LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

VII. NỘI DUNG, HÌNH THỨC XÉT THĂNG HẠNG CDNN VÀ CÁCH XÁC ĐỊNH NGƯỜI ĐƯỢC THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

1. Nội dung: Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16, Điều 1, Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ đối với viên chức dự xét thăng hạng và Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Hình thức: Thẩm định hồ sơ, đánh giá toàn diện việc đáp ứng yêu cầu về

² Điều 35 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức

tiêu chuẩn, điều kiện của từng hạng đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giáo viên.

3. Thời gian xét: Dự kiến từ tháng 5 đến tháng 12 năm 2026.

Căn cứ tình hình thực tế, cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh ủy quyền xây dựng kế hoạch chi tiết, tổ chức xét thăng hạng viên chức giáo viên bảo đảm tiến độ, chất lượng và đúng quy định pháp luật.

4. Địa điểm xét: Cơ quan, đơn vị được ủy quyền xét thăng hạng CDNN quyết định, bảo đảm điều kiện tổ chức xét thăng hạng.

5. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng

Việc xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng thực hiện theo Điều 40 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, được sửa đổi tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ.

Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ và các tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể của từng hạng CDNN quy định tại Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và được người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

Trường hợp đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên, cụ thể như sau:

a) Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận.

Trường hợp thành tích đạt được ở thứ tự ưu tiên như nhau thì xét đến số lượng thành tích đạt được cùng cấp.

Trường hợp toàn bộ thành tích, số lượng thành tích như nhau thì tiếp tục xét theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 2 Điều 40 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP, cụ thể:

b) Viên chức là nữ: căn cứ theo sơ yếu lý lịch hoặc giấy khai sinh, căn cước công dân.

c) Viên chức là người dân tộc thiểu số: căn cứ theo sơ yếu lý lịch hoặc giấy khai sinh.

d) Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh): căn cứ theo sơ yếu lý lịch hoặc giấy khai sinh, căn cước công dân.

đ) *Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn*: tính từ ngày có quyết định tuyển dụng lần đầu vào viên chức (gồm cả thời gian tập sự, nếu có).

Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức.

Giáo viên không trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp lần này thì không được bảo lưu kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp cho các kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp lần sau.

VIII. THÔNG BÁO KẾT QUẢ XÉT THĂNG HẠNG VÀ BỔ NHIỆM, XẾP LƯƠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC TRÚNG TUYỂN KỲ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

1. Thông báo kết quả xét thăng hạng

1.1. Đối với viên chức giáo viên các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở GD&ĐT

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo Giám đốc Sở GD&ĐT phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

1.2. Đối với các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý của UBND các xã, phường

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo Chủ tịch UBND các xã, phường phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

2. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Giám đốc Sở GD&ĐT, Chủ tịch UBND các xã, phường thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới (hạng II) đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

Trường hợp viên chức đã trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng nhưng sau đó bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị kỷ luật hoặc bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì chưa ra quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp trúng tuyển. Khi hết thời hạn xử lý kỷ luật mà không bị kỷ luật hoặc hết thời gian thi hành quyết định kỷ luật hoặc sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền đối với trường hợp bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì căn cứ vào cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại thời điểm xem xét, quyết định bổ nhiệm, cấp có thẩm quyền quyết định việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Thời điểm hưởng lương mới, thời gian xét nâng bậc lương lần sau, việc kéo dài thời gian nâng bậc lương (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật.

Việc xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới bổ nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

IX. HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG CDNN

1. Hội đồng xét thăng hạng

Hội đồng xét thăng hạng CDNN giáo viên được thành lập theo quy định tại Điều 38, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

1.1. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thành lập. Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu bộ phận tham mưu về tổ chức cán bộ của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

c) Các ủy viên Hội đồng là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp quyết định, trong đó có 01 ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

1.2. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch Hội đồng đã biểu quyết. Hội đồng thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 2, Điều 38, Nghị định số

115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

2. Thành lập các Ban giúp việc Hội đồng xét thăng hạng CDNN giáo viên

- Hội đồng xét thăng hạng CDNN giáo viên thành lập các ban, bộ phận giúp việc phải có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 2, Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Quyết định thành lập Tổ rà soát tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng; quyết định thành lập Ban thẩm định hồ sơ, Ban kiểm tra sát hạch. Số lượng, thành phần của Ban thẩm định hồ sơ do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

** Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người xét thăng hạng hoặc của bên vợ (chồng) của người xét thăng hạng; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người xét thăng hạng hoặc những người đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thành viên các bộ phận giúp việc của Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.*

3. Giám sát xét thăng hạng CDNN giáo viên

Giao Thanh tra tỉnh, Sở Nội vụ phối hợp giám sát toàn bộ quá trình tổ chức xét thăng hạng, từ khâu tiếp nhận hồ sơ, thẩm định đến công bố kết quả;

Tăng cường kiểm tra, giám sát nội bộ, bảo đảm kỳ xét thăng hạng được tổ chức nghiêm túc, đúng quy định, không phát sinh tiêu cực.

Phần thứ tư

TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Đề án “Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II đối với viên chức giáo viên mầm non, phổ thông trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập năm 2026”.

- Thông báo công khai Đề án “Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II đối với viên chức giáo viên mầm non, phổ thông trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập năm 2026” sau khi được UBND tỉnh phê duyệt tới các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Tham mưu UBND tỉnh: Ủy quyền cho Sở GD&ĐT tổ chức xét thăng hạng CDNN từ hạng III lên hạng II đối với giáo viên trong các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý của Sở GD&ĐT; ủy quyền cho UBND cấp xã tổ chức xét thăng hạng CDNN giáo viên trong các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp xã.

- Thẩm định, tổng hợp chỉ tiêu thăng hạng CDNN của các đơn vị trực thuộc

và UBND cấp xã; tham mưu UBND tỉnh quyết định giao chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng III lên hạng II cho các đơn vị trực thuộc Sở GD&ĐT và UBND cấp xã.

- Tham mưu UBND tỉnh Quyết định thành lập Ban Giám sát kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng III lên hạng II.

- Quyết định thành lập Hội đồng xét thăng hạng và tổ chức kỳ xét thăng hạng CDNN giáo viên từ hạng III lên hạng II trong các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý của Sở GD&ĐT; Thành lập Ban Thẩm định hồ sơ, Ban kiểm tra sát hạch theo đúng quy định đối với viên chức giáo viên thuộc thẩm quyền quản lý.

- Xây dựng kế hoạch chi tiết và thông báo công khai kế hoạch tổ chức xét thăng hạng, chỉ tiêu xét thăng hạng, nội dung, hình thức, hồ sơ, cách xác định người được thăng hạng CDNN đối với viên chức giáo viên thuộc thẩm quyền quản lý; thẩm định hồ sơ giáo viên đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng đối với viên chức giáo viên thuộc thẩm quyền quản lý.

- Quyết định tổ chức kỳ xét thăng hạng CDNN;

- Công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng CDNN; Thông báo kết quả kỳ xét thăng hạng CDNN đến đơn vị sử dụng viên chức, đơn vị thông báo đến từng viên chức dự xét thăng hạng.

- Quyết định bổ nhiệm và xếp lương CDNN đối với giáo viên trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng CDNN đảm bảo đúng các quy định của pháp luật.

- Báo cáo UBND tỉnh kết quả kỳ xét thăng hạng CDNN.

3. Sở Nội vụ

Tham gia giám sát quá trình tổ chức xét thăng hạng; bảo đảm đúng quy định về quản lý viên chức.

4. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề nghị bổ sung kinh phí thực hiện chế độ do thăng hạng CDNN của Sở Giáo dục và Đào tạo, tham mưu báo cáo UBND bố trí kinh phí theo quy định.

5. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Thẩm định chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp của từng cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý; tổng hợp chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp của từng đơn vị theo từng cấp học gửi Sở GD&ĐT thẩm định.

- Chịu trách nhiệm thẩm định, tổng hợp hồ sơ giáo viên đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng đối với viên chức giáo viên thuộc thẩm quyền quản lý và nhu cầu kinh phí thực hiện chế độ gửi Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp chung toàn tỉnh.

- Quyết định thành lập Hội đồng xét thăng hạng và tổ chức kỳ xét thăng hạng CDNN giáo viên từ hạng III lên hạng II trong các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý của UBND các xã, phường; Thành lập Ban Thẩm định hồ sơ, Ban kiểm tra

sát hạch theo đúng quy định đối với viên chức giáo viên thuộc thẩm quyền quản lý.

- Xây dựng kế hoạch chi tiết và thông báo công khai Kế hoạch tổ chức xét thăng hạng, chỉ tiêu xét thăng hạng, nội dung, hình thức, hồ sơ, cách xác định người được thăng hạng CDNN đối với viên chức giáo viên thuộc thẩm quyền quản lý; thẩm định hồ sơ giáo viên đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng đối với viên chức giáo viên thuộc thẩm quyền quản lý.

- Quyết định tổ chức kỳ xét thăng hạng CDNN;

- Công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng CDNN; Thông báo kết quả kỳ xét thăng hạng CDNN đến đơn vị sử dụng viên chức, đơn vị thông báo đến từng viên chức dự xét thăng hạng.

- Quyết định bổ nhiệm và xếp lương CDNN đối với giáo viên trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng CDNN đảm bảo đúng các quy định của pháp luật.

- Báo cáo kết quả kỳ xét thăng hạng CDNN về Sở GD&ĐT để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

6. Trách nhiệm của các cơ sở giáo dục cử viên chức tham gia xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

- Thông báo rộng rãi, công khai trong đơn vị Đề án, Kế hoạch xét thăng hạng để giáo viên đủ tiêu chuẩn, điều kiện và có nguyện vọng nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

- Chịu trách nhiệm về tính trung thực đối với các nội dung trong hồ sơ dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng III lên hạng II.

- Thẩm định hồ sơ giáo viên đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng III lên hạng II.

- Tổ chức xét sơ khảo thăng hạng CDNN giáo viên từ hạng III lên hạng II, tổng hợp báo cáo Hội đồng xét thăng hạng để Hội đồng tổ chức xét thăng hạng theo quy định.

- Lập danh sách cử viên chức đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện tham gia xét thăng hạng CDNN theo số lượng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (sau khi đã sơ khảo tại đơn vị), trình cơ quan có thẩm quyền xét thăng hạng CDNN theo ủy quyền của UBND tỉnh.

- Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của giáo viên đơn vị mình được cử tham dự kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên.

7. Trách nhiệm của viên chức đăng ký dự xét

- Chủ động đăng ký tham gia xét thăng hạng khi đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

- Kê khai hồ sơ trung thực, đầy đủ; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của hồ sơ, tài liệu minh chứng.

- Chấp hành nghiêm túc các quy định, hướng dẫn của cơ quan tổ chức xét thăng hạng.

Trên đây là Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giáo viên mầm non, phổ thông trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập năm 2026. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết. /.